

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/HS-ST

Ngày: 09-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Ông Võ Phi Anh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Minh Đ**, sinh ngày 01/01/1997, tại Bạc Liêu; CCCD số 09509700112; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã V, tỉnh Cà Mau); địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trần Văn O, sinh năm 1969 và bà Võ Thị L, sinh năm 1979; vợ: Trần Thị Bích N; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 31/3/2025, Trần Minh Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang, bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2025 sau đó tạm giam cho đến nay.

2. **Phạm Văn T**, sinh ngày 17/10/2002, tại Kiên Giang; CCCD số 091202003269; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã H, tỉnh An Giang); địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Phạm Thanh S, sinh năm 1963 và bà La Thị C (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Kim H, bị cáo có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 31/3/2025, Phạm Văn T bị tạm giữ do có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó bị tạm giam cho đến nay.

Các bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở giam giữ số 1 Trại tạm giam B – Công an Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 31/3/2025, Công an phường T (Nay là phường T) tuần tra trên địa bàn Phường theo Công lệnh tuần tra vũ trang, kiểm tra hành chính số 79 ngày 30/3/2025. Khi tuần tra đến đoạn đường ĐT746 thuộc khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (N là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) thì phát hiện Trần Minh Đ đang điều khiển xe đạp có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên dừng xe để kiểm tra. Kết quả kiểm tra cho thấy Đ cất giấu 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng ở bên ngoài khoá kéo quần đang mặc. Đ khai nhận chất tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon là ma túy do bị cáo và Phạm Văn T góp tiền mua về để sử dụng. Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu; 01 xe đạp điện màu xám; 01 điện thoại di động (ĐTDD) hiệu OPPO màu tím.

Qua lời khai của Đ, Công an lấy lời khai T. T thừa nhận việc có 5 lần T góp tiền với Đ để mua ma túy sử dụng, bao gồm số ma túy bị Công an thu giữ từ Đương vào ngày 31/3/2025. Công an phường T thu giữ của T 01 ĐTDD hiệu Iphone 6s.

Cơ quan cảnh sát điều tra (CQCSĐT) tiến hành xác định hiện trường nơi T và Đ làm nơi sử dụng ma túy, kết quả khám nghiệm hiện trường thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 01 bật lửa; 01 ống thủy tinh (BL71).

Đối tượng bán ma túy cho Đ và T là Bùi Văn T1 đã bị khởi tố theo Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số A1438/QĐ-CSMT ngày 19/01/2026 và Quyết định khởi tố bị can số A214/QĐ-CSMT ngày 19/01/2026 của CQCSĐT Công an Thành phố H. Đối tượng Thanh bỏ trốn nên bị truy nã theo Quyết định số 1699/QĐTN-CSMT ngày 21/01/2026. Hành vi của đối tượng T2 đã bị tách ra để giải quyết bằng vụ án khác theo Quyết định số 1700/QĐ-CSMT ngày 21/01/2026 của CQCSĐT Công an Thành phố H.

Ngày 31/3/2025, CQCSĐT Công an tỉnh B (Nay là Công an Thành phố H) trưng cầu giám định đối với chất màu trắng thu giữ từ Đương và chất bám dính màu nâu trong nỏ thủy tinh thu giữ tại nơi T và Đ sử dụng ma túy. Tại Bản kết luận giám định số 1501/KL-KTHS ngày 07/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể thu giữ từ Đương gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,5355 gam (M1), loại Methamphetamine. Mẫu chất bám dính màu nâu trong 01 nỏ thủy tinh (M2) là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng. (BL132)

Quá trình điều tra xác định, Đ và T nghiện ma túy, loại Methamphetamine. Từ khoảng tháng 11/2024 đến tháng 3/2025, T và Đ đã 5 lần góp tiền để mua ma túy từ Bùi Văn T1, sử dụng ma túy tại phòng trọ của T, phòng số 4, khu nhà ở công nhân của Cơ sở sản xuất nước đá thuộc khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (N

là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Lần gần nhất T và Đ sử dụng ma túy chung với nhau là ngày 29/3/2025, đến ngày 31/3/2025, Đ và T tiếp tục góp tiền mua ma túy để sử dụng thì bị bắt quả tang khi Đ vừa mua ma túy đem về.

Cáo trạng số 125/CT-VKSKV17 ngày 09/02/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Trần Minh Đ và Phạm Văn T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt như sau:

- Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ từ 2 năm đến 3 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 8 năm đến 9 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là từ 10 năm đến 12 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 2 năm đến 3 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 8 năm đến 9 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là từ 10 năm đến 12 năm tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa; 01 bì thư được niêm phong ghi số 1501M1/PC09, 01 bì thư được niêm phong ghi số 1501M2/PC09 được dán kín và hình dấu đỏ niêm phong của phòng K Công an tỉnh B. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản sau: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO màu tím thu giữ của Đ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S thu giữ của T; 01 xe đạp điện màu xám đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ và bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhận thấy hành vi đã thực hiện là sai và thấy ân hận về hành vi đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm quay về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQCSĐT, Điều tra viên Công an phường T, CQCSĐT Công an Thành phố H, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đ và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với kết quả điều tra và

các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 31/3/2025, tại đoạn đường ĐT746 thuộc khu phố H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,5355 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng, số ma túy này do Đ góp 300.000 đồng và T góp 250.000 đồng. Đ và T đã 05 lần góp tiền mua ma túy về sử dụng chung tại phòng trọ của T, lần gần nhất Đ và T cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy là vào ngày 29/3/2025. Các bị cáo đều là người thành niên, có khả năng nhận biết hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy bị cấm nhưng vì đều là con nghiện, để thỏa cơn nghiện nên cố ý thực hiện. Do đó, Cáo trạng số 125/CT-VKSKV17 ngày 09/02/2026 truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo Đ và bị cáo T 5 lần hùn tiền mua ma túy để sử dụng chung nên thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự quy định: *“Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng”*. Như vậy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho từng bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Trong tình hình tội phạm về ma túy đang diễn biến phức tạp, các hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng và tổ chức sử dụng trái phép ma túy là nguyên nhân chính dẫn đến các tội phạm khác, sự kiệt quệ về sức khỏe, tài chính của bản thân, gia đình và các tệ nạn xã hội. Do đó, cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện hành vi phạm tội, do cùng là con nghiện nên cùng hùn tiền mua ma túy để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên tính chất hành vi là nguy hiểm cho xã hội như nhau. Hành vi của bị cáo Đ trực tiếp đi mua ma túy, trực tiếp tàng trữ trái phép chất ma túy thể hiện sự tích cực nên phải chịu mức hình phạt nặng hơn.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[6.1] 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu, 01 bật lửa; 01 ống thủy tinh không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6.2] 01 ĐTDĐ hiệu OPPO màu tím thu giữ của Đ và 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S thu giữ của T. Đây là các phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy về tổ chức sử dụng trái phép và tàng trữ trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Xe đạp điện dù là tài sản chung của bị cáo Đ và vợ là bà Trần Thị Bích N nhưng bị cáo dùng xe này đi mua ma túy về tàng trữ và sử dụng trái phép nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Đối tượng Thanh bán ma túy cho Đ và T đã bỏ trốn và bị truy nã theo Quyết định số 1699/QĐTN-CSMT ngày 21/01/2026 của CQCSĐT Công an Thành phố H. Hành vi của đối tượng T2 đã bị CQCSĐT tách ra để giải quyết bằng vụ án khác theo Quyết định số 1700/QĐ-CSMT ngày 21/01/2026 nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng và mức hình phạt đối với từng bị cáo, đề xuất xử lý vật chứng là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ và bị cáo Phạm Văn T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 2 (Hai) năm 3 (Ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; 8 (T3) năm 3 (Ba) tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 10 (Mười) năm 6 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 31/3/2025.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 2 (H1) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; 8 (T3) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 31/3/2025.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu tiêu huỷ 01 bật lửa; 01 bì thư được niêm phong ghi số 1501M1/PC09 được dán kín, 01 bì thư được niêm phong ghi số 1501M2/PC09 được dán kín và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS - Công an tỉnh B.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 6S đã qua sử dụng.

- 01 xe đạp điện màu xám, đã qua sử dụng.
- 01 bật lửa.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Minh Đ và bị cáo Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 TP. Hồ Chí Minh (01);
- P.THADS khu vực 17 TP. Hồ Chí Minh (01);
- Cơ sở giam giữ số 1, Trại tạm giam Bồ Lá Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bích Huế